UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ VŨ QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /2026/QĐ-UBND	*Vũ Quang, ngày 04 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã Vũ Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VŨ QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Theo đề nghị của Văn phòng HĐND- UBND xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện dân chủ ở xã Vũ Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2026.

Quyết định này thay thế các Quyết định về thực hiện dân chủ tại cơ sở do UBND các xã Hương Minh, Thọ Điền, Quang Thọ và UBND thị trấn Vũ Quang ban hành trước ngày sáp nhập đơn vị hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân xã, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (b/c); Sở Tư pháp (KT);
- Ban Thường vụ Đảng uỷ xã (b/c); Thường trực HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- MTTQ, các ban, phòng, ngành, đoàn thể cấp xã;
- Văn phòng HĐND-UBND (thẩm định);
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Trưởng thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VŨ QUANG T. HÀ TĨNH

Phan Hồng Yến

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ VŨ QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Thực hiện dân chủ ở xã Vũ Quang

(Kèm theo Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 4 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vũ Quang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Vũ Quang; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ.

2. Đối tượng áp dụng: Mọi công dân cư trú trên địa bàn xã Vũ Quang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện quy chế dân chủ trên địa bàn xã Vũ Quang.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện quy chế dân chủ.

1. Bảo đảm quyền của công dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Vũ Quang.

2. Thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Vũ Quang phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ủy, quản lý của Ủy ban nhân dân, vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ.

3. Thực hiện quy chế dân chủ trên địa bàn xã Vũ Quang trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền.

4. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Vũ Quang.

6. Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Chương II
THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VŨ QUANG

Mục 1
CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 3. Những nội dung chính quyền phải công khai.

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của địa phương và kết quả thực hiện.

2. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của địa phương trình Hội đồng nhân dân xã; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có).

3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do UBND xã Vũ Quang quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã; quy hoạch xây dựng xã và điểm dân cư nông thôn; Quy hoạch chung của xã; các đồ án quy hoạch chi tiết được lập cho khu vực trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn hoặc các khu vực chức năng đặc thù thuộc địa bàn xã.

4. Quy chế thực hiện dân chủ ở xã; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở thôn; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã.

5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp.

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do cấp xã quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã.

7. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn xã Vũ Quang.

8. Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn xã Vũ Quang.

9. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn xã Vũ Quang.

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch

và Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân.

11. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đưa ra lấy ý kiến Nhân dân quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trực tiếp thu.

13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do Ủy ban nhân dân trực tiếp thực hiện.

14. Các nội dung cụ thể khác của địa phương (căn cứ vào công việc và điều kiện thực tế của địa phương tại thời điểm cụ thể).

15. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hình thức và thời điểm công khai thông tin.

1. Hình thức công khai thông tin:

a) Niêm yết thông tin;

b) Đăng tải trên Trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân xã;

c) Phát tin trên hệ thống truyền thanh của xã;

d) Phát tin trên hệ thống truyền thanh thôn để thông báo đến công dân;

đ) Gửi văn bản đến công dân;

e) Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân xã với Nhân dân;

g) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật;

h) Thông báo đến tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, đoàn thể cùng cấp khác để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên ở cơ sở;

i) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại xã, tại thôn;

k) Các hình thức cụ thể khác;

l) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, Ủy ban nhân dân xã phải tổ chức công khai thông tin.

Điều 5. Lựa chọn hình thức công khai thông tin.

1. Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã những nội dung Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đã công khai.

2. Ủy ban nhân dân xã niêm yết thông tin quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 3 Quy chế này tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở các thôn. Thời gian niêm yết thông tin ít nhất là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết. Thông tin quy định tại khoản 4 và khoản 13 Điều 3 của Quy chế này phải được niêm yết thường xuyên tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và được cập nhật khi có sự thay đổi.

3. Thông tin quy định tại các khoản 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 3 của Quy chế này được công khai trên hệ thống truyền thanh của xã trong thời hạn ít nhất là 03 ngày liên tục và được gửi đến các thôn để thông báo đến Nhân dân thông qua một hoặc nhiều hình thức: thông báo tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, cuộc họp, sinh hoạt của tổ chức, đoàn thể khác ở thôn; thông báo trực tiếp hoặc gửi văn bản đến từng hộ gia đình; thông qua tin nhắn đến đại diện hộ gia đình hoặc sử dụng mạng xã hội nhóm chung hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật và đã được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn (nếu có).

4. Các hình thức công khai thông tin khác.

5. Trường hợp pháp luật có quy định khác về hình thức, cách thức thực hiện công khai đối với nội dung thông tin cụ thể thì áp dụng theo quy định đó.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin.

1. Ủy ban nhân dân xã Vũ Quang có kế hoạch thực hiện việc công khai thông tin, trong đó nêu rõ nội dung thông tin cần công khai, hình thức công khai, thời điểm, thời hạn công khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân thông qua; kiểm tra, đôn đốc và báo cáo Ủy ban nhân dân về kết quả thực hiện. Trường hợp thông tin đã công khai có sự thay đổi, điều chỉnh thì nội dung thay đổi, điều chỉnh phải được kịp thời công khai theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin đối với những thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai, thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

3. Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai thông tin tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để giám sát.

Mục 2
NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 7. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định.

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn ở xã, ở thôn do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

3. Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

4. Bầu, cho thôi làm trưởng thôn.

5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Điều 8. Đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định.

1. Đối với các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định nội dung, lựa chọn hình thức và chỉ đạo, hướng dẫn Trưởng thôn tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định.

2. Đối với các nội dung chỉ có phạm vi thực hiện trong thôn, Trưởng thôn sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận, đề xuất nội dung để cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

3. Công dân cư trú tại thôn có sáng kiến đề xuất về nội dung quy định tại Điều 7 của Quy chế này và được ít nhất là 10% tổng số hộ gia đình tại thôn đồng thuận thì gửi đề xuất đến trưởng thôn để đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định nếu không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội. Trường hợp sáng kiến của công dân chưa có đủ 10% tổng số hộ gia đình ở thôn đồng thuận nhưng xét thấy có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và được Ban công tác Mặt trận ở thôn tán thành thì trưởng thôn đưa ra để cộng đồng dân cư bàn và quyết định. Công dân có sáng kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số lượng và danh sách hộ gia đình đồng thuận. Ý kiến đồng thuận với sáng kiến của công dân có giá trị trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thể hiện ý kiến.

Điều 9. Hình thức Nhân dân bàn và quyết định.

1. Tùy theo nội dung được đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Trưởng thôn tổ chức để Nhân dân ở thôn bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;

b) Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;

c) Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

2. Việc bàn, quyết định các nội dung quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 7 của Quy chế này phải được thực hiện tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, trừ

trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 của Quy chế này. Hình thức biểu quyết trực tuyến chỉ áp dụng trong trường hợp cộng đồng dân cư quyết định các công việc quy định tại khoản 6 Điều 7 của Quy chế này mà Trưởng thôn sau khi thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn thấy không cần thiết tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư hoặc phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình.

3. Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 10. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

1. Cuộc họp của cộng đồng dân cư do Trưởng thôn triệu tập và chủ trì tổ chức. Trường hợp khuyết Trưởng thôn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ định đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn hoặc triệu tập viên là công dân có uy tín cư trú tại thôn đó để triệu tập và tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư. Thành phần tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư gồm Trưởng thôn, Ban công tác Mặt trận ở thôn, đại diện các hộ gia đình trong thôn.

2. Đại diện hộ gia đình là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng đại diện được cho các thành viên hộ gia đình; trường hợp hộ gia đình không có người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì đại diện hộ gia đình là người được các thành viên hộ gia đình thống nhất đề cử hoặc ủy nhiệm.

3. Trường hợp thôn có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư sinh sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư. Trưởng thôn có thể ủy quyền cho thành viên Ban công tác Mặt trận ở thôn, một công dân có uy tín cư trú tại cụm dân cư chủ trì, điều hành cuộc họp của cụm dân cư và báo cáo kết quả với trưởng thôn để tổng hợp vào kết quả chung của toàn thôn.

4. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư được thực hiện như sau:

a) Người chủ trì cuộc họp tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người để cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký;

b) Người chủ trì cuộc họp trình bày những nội dung đưa ra để xem xét, thảo luận tại cuộc họp;

c) Những người tham gia cuộc họp thảo luận;

d) Người chủ trì cuộc họp tổng hợp chung các ý kiến thảo luận tại cuộc họp; đề xuất các nội dung và phương án biểu quyết đối với các nội dung đã được thảo luận. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do các thành viên tham dự cuộc họp quyết định. Trường hợp bỏ phiếu kín thì cuộc họp bầu ra Ban kiểm phiếu để thực hiện việc tổ chức bỏ phiếu kín;

đ) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết và kết luận cuộc họp.

Điều 11. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình.

1. Trưởng thôn tổ chức gửi phiếu biểu quyết đến từng hộ gia đình để lấy ý kiến biểu quyết về các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn hoặc trong địa bàn xã đối với các trường hợp sau đây:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã;

b) Cộng đồng dân cư đã tổ chức cuộc họp mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy chế này;

c) Các trường hợp khác do Trưởng thôn quyết định sau khi đã thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn.

2. Trưởng thôn phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 03 đến 05 thành viên và công khai thông tin đến Nhân dân ở thôn về nội dung lấy ý kiến, thời điểm, thời hạn lấy ý kiến, thành phần Tổ phát phiếu lấy ý kiến chậm nhất là 02 ngày trước ngày thực hiện việc phát phiếu lấy ý kiến.

3. Mỗi hộ gia đình được phát 01 phiếu lấy ý kiến. Tổ phát phiếu có nhiệm vụ gửi phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình, tổ chức thu phiếu theo đúng thời hạn đã được xác định và tổng hợp đầy đủ, khách quan kết quả phiếu lấy ý kiến.

Điều 12. Quyết định của cộng đồng dân cư.

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản dưới hình thức nghị quyết, biên bản cuộc họp, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể về hình thức văn bản thì Trưởng thôn lựa chọn hình thức văn bản của cộng đồng dân cư phù hợp với nội dung quyết định và phong tục, tập quán, điều kiện thực tế của cộng đồng dân cư sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian cộng đồng dân cư bàn và quyết định;

b) Tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư; số người đại diện hộ gia đình có mặt; số hộ gia đình không có người đại diện tham dự;

c) Nội dung cộng đồng dân cư bàn;

d) Hình thức cộng đồng dân cư quyết định;

đ) Kết quả biểu quyết tại cuộc họp hoặc tổng hợp phiếu lấy ý kiến, kết quả biểu quyết trực tuyến của hộ gia đình;

e) Nội dung quyết định của cộng đồng dân cư;

g) Chữ ký của Trưởng thôn, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn và 02 đại diện của các hộ gia đình.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày cộng đồng dân cư tổ chức họp biểu quyết hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu, biểu quyết trực tuyến, quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua phải được gửi đến Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

Điều 13. Hiệu lực của quyết định của cộng đồng dân cư.

1. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Quy chế này được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong thôn tán thành. Quyết định về nội dung tại khoản 1 và 2 Điều 7 có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã được thông qua khi

có từ hai phần ba tổng số thôn trở lên tán thành. Quyết định về các nội dung tại khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 7 được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn tán thành.

2. Quyết định về các nội dung tại khoản 1, 2 và 6 Điều 7 có phạm vi thực hiện trong thôn có hiệu lực kể từ ngày được biểu quyết thông qua. Đối với các nội dung tại khoản 1 và 2 Điều 7 có phạm vi thực hiện trong địa bàn xã, thời điểm có hiệu lực do Ủy ban nhân dân xã quyết định trên cơ sở tổng hợp kết quả biểu quyết. Quyết định về nội dung tại khoản 3 và 4 Điều 7 có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã ban hành quyết định công nhận. Quyết định về nội dung tại khoản 5 Điều 7 có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã ban hành quyết định công nhận. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định, cơ quan thẩm quyền phải ban hành quyết định công nhận hoặc trả lời bằng văn bản nếu không công nhận.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư.

1. Quyết định được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ khi:

a) Có nội dung trái quy định pháp luật, không phù hợp thuần phong mỹ tục, đạo đức xã hội.

b) Không tuân thủ quy trình, thủ tục thông qua quy định tại Quy chế này và pháp luật liên quan.

c) Cộng đồng dân cư thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

2. Ủy ban nhân dân xã quyết định bãi bỏ đối với trường hợp tại điểm a. Tùy tính chất vi phạm, UBND xã bãi bỏ hoặc đề nghị cộng đồng dân cư sửa đổi cho phù hợp đối với trường hợp tại điểm b. Văn bản bãi bỏ hoặc đề nghị sửa đổi phải được gửi đến Trưởng thôn và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

3. Cộng đồng dân cư tự mình quyết định việc sửa đổi, bãi bỏ khi thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của UBND xã theo đúng trình tự quy định.

Điều 15. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư.

1. Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch tổ chức cho các nội dung phạm vi xã; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các quyết định phạm vi thôn. UBND xã tổng hợp, báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất và gửi Mặt trận Tổ quốc xã để giám sát.

2. Trưởng thôn có trách nhiệm công khai kết quả biểu quyết; tổ chức thực hiện quyết định phạm vi thôn; báo cáo kết quả thực hiện đến Nhân dân và UBND xã.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã hướng dẫn, giám sát việc tổ chức và thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, quyết định.

Điều 16. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ở cơ sở.

1. Công dân, hộ gia đình tích cực tham gia công việc chung; có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện họp bàn, thảo luận và thực hiện nghiêm túc các nội dung dân cư đã quyết định.

2. Đại diện hộ gia đình có trách nhiệm tập hợp ý kiến thành viên trong hộ; phổ biến, truyền đạt lại kết quả bàn bạc cho các thành viên. Trường hợp thành viên có ý kiến khác có thể đăng ký tham dự cuộc họp trực tiếp để thể hiện quan điểm.

3. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức cư trú tại xã, thôn có trách nhiệm tích cực, gương mẫu tham gia và vận động gia đình thực hiện nghiêm túc các quyết định của cộng đồng.

4. Công dân có quyền kiến nghị, phản ánh đến chính quyền và các tổ chức liên quan nếu thấy quyết định không đảm bảo trình tự hoặc trái pháp luật.

Mục 3
NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN

Điều 17. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, sản xuất; đề án định canh, định cư.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao.

3. Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng đối với dự án quan trọng hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường và đời sống cộng đồng.

4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính và các đơn vị dưới cấp xã.

5. Dự thảo quyết định hành chính của UBND xã liên quan đến lợi ích cộng đồng, bao gồm an toàn xã hội, môi trường và sức khỏe cộng đồng.

6. Dự thảo nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết, quy hoạch điểm dân cư nông thôn.

7. Dự thảo quy chế thực hiện dân chủ và các quy chế cụ thể theo từng lĩnh vực.

8. Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng trên địa bàn.

9. Các nội dung cụ thể khác căn cứ thực tế địa phương.

10. Các nội dung theo quy định pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan cấp trên.

Điều 18. Hình thức Nhân dân tham gia ý kiến.

1. Hình thức lấy ý kiến:

a) Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND xã với Nhân dân;

b) Họp cộng đồng dân cư;

c) Phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình;

d) Qua hòm thư góp ý, đường dây nóng;

đ) Qua Ban công tác Mặt trận thôn và các tổ chức chính trị - xã hội;

e) Qua trang thông tin điện tử của HĐND, UBND xã;

g) Qua mạng viễn thông, mạng xã hội hợp pháp;

h) Đối thoại trực tiếp với đối tượng thi hành đối với nội dung tại khoản 8 Điều 17.

2. Tùy nội dung, UBND xã quyết định lựa chọn hình thức phù hợp. Thời gian lấy ý kiến Nhân dân ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai.

Điều 19. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến.

1. UBND xã có kế hoạch lấy ý kiến, nêu rõ nội dung, hình thức, thời hạn và gửi HĐND, Mặt trận Tổ quốc xã.

2. Chủ tịch UBND xã chỉ đạo tiếp nhận, tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu và giải trình ý kiến của dân. Kết quả phải được công khai.

3. Đối với nội dung do cấp trên giao, UBND xã tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn. Cơ quan cấp trên có trách nhiệm nghiên cứu, phản hồi nếu nội dung quyết định cuối cùng khác với ý kiến của đa số Nhân dân.

4. UBND xã tổng hợp, báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp thường lệ gần nhất và gửi Mặt trận Tổ quốc xã giám sát.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phối hợp tổ chức các hội nghị đối thoại, hướng dẫn dân tham gia ý kiến và giám sát quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện của chính quyền.

Điều 20. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung ở địa phương.

1. Đảng viên, cán bộ và công dân cư trú trên địa bàn có trách nhiệm tích cực tham gia đóng góp ý kiến trung thực, khách quan làm cơ sở cho chính quyền xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng.

2. Cá nhân, hộ gia đình tham gia các cuộc họp, thảo luận hoặc cử đại diện theo yêu cầu.

3. Công dân theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp và giải trình ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 4
NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 21. Nội dung kiểm tra, giám sát.

1. Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định tại Điều 7.

2. Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền, cán bộ, công chức xã.

Điều 22. Hình thức kiểm tra, giám sát.

1. Trực tiếp thông qua: Hoạt động lao động, sản xuất, học tập; Quan sát, tiếp xúc cán bộ xã; Tiếp cận thông tin công khai.

2. Tham dự hội nghị đối thoại, tiếp xúc cử tri.

3. Gián tiếp thông qua: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng và các tổ chức tự quản khác.

Điều 23. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát.

1. HĐND, UBND xã, cán bộ, công chức, Trưởng thôn và các cá nhân liên quan có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo thẩm quyền.

2. UBND xã có trách nhiệm: Thiết lập và vận hành hệ thống đánh giá mức độ hài lòng; Tiếp nhận và trả lời kịp thời các kiến nghị của dân và Mặt trận Tổ quốc; Phối hợp xây dựng quy chế cụ thể; Tạo điều kiện cho các Ban tự quản hoạt động; Xử lý nghiêm hành vi cản trở hoặc trả thù người khiếu nại, tố cáo.

3. Công dân chịu trách nhiệm về nội dung kiến nghị; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng trong việc xác minh thông tin.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân trong tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã.

1. Tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn.

2. Giữ mối liên hệ chặt chẽ với Nhân dân và cộng đồng dân cư.

3. Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của dân và các tổ chức.

4. Kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về những vấn đề không thuộc thẩm quyền.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn xã.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, Trưởng thôn báo cáo UBND xã để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và đúng quy định.